

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC
ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo quyết định số : 51 /QĐ-SXD ngày 11/3/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:		
				Văn phòng Sở	Trung tâm Đăng kiểm và Quản lý bến xe	Sở Xây dựng
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, thu khác	25.333	25.333	6.766	18.567	
1	Thu phí, lệ phí	7.415	7.415	6.604	811	
-	Lệ phí cấp phép xây dựng công trình	1	1	1		
-	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề trong hoạt động xây dựng	50	50	50		
-	Phí thẩm định dự án đầu tư XD, thiết kế cơ sở, thiết kế BVTC-TDT; Thẩm định quy hoạch	453	453	453		
-	Thu phí hồ sơ công bố hợp quy	2	2	2		
-	Phí thẩm định dự án đầu tư	150	150	150		
-	Phí sát hạch lái xe	2.686	2.686	2.686		
-	Cấp, đổi biển xe chuyên dùng	13	13	13		
-	Cấp, đổi Giấy phép lái xe	3.249	3.249	3.249		
-	Thu lệ phí cấp GCN bảo đảm chất lượng an toàn, kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; Phí sử dụng đường bộ được để lại	811	811		811	
2	Thu sự nghiệp	17.756	17.756		17.756	
3	Thu từ nguồn khác	162	162	162		
-	Thu cho thuê nhà ở công vụ	102	102	102		

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:		
				Văn phòng Sở	Trung tâm Đăng kiểm và Quản lý bến xe	Sở Xây dựng
-	Thu sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng	60	60	60		
II	Chi, nộp NS từ nguồn thu	25.333	9.797	6.766	18.567	
1	Nộp NSNN tiền phí, lệ phí	7.118	7.118	6.604	514	
3	Chi từ nguồn thu cho thuê nhà ở công vụ	102	102	102		
4	Chi sát hạch cấp chứng chỉ HNXD	60	60	60		
-	<i>Nộp về cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng</i>	<i>16</i>	<i>16</i>	<i>16</i>		
-	<i>Số được để lại chi</i>	<i>44</i>	<i>44</i>	<i>44</i>	-	
5	Thu sự nghiệp nộp NSNN	2.517	2.517		2.517	
6	Chi sự nghiệp	15.536			15.536	
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	73.046	73.046	32.419	-	40.627
1	Chi quản lý hành chính	31.261	31.261	31.261		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	18.359	18.359	18.359		
+	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>	289	289	289		
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	947	947	947		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12.902	12.902	12.902		
-	<i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>	627	627	627		
2	Chi sự nghiệp kinh tế	40.627	40.627			40.627
-	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>40.627</i>	<i>40.627</i>			<i>40.627</i>
+	Chi sự nghiệp giao thông đường bộ	40.627	40.627			40.627
3	Chi bổ sung có mục tiêu (Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông)	1.158	1.158	1.158		